

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Châu Nam Phú.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

***1. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;***

***2. Ông Múth So Ny.***

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Thanh P, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Thanh P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T biết nhau qua mai mối và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn N vào năm 2012, đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn mà không thể hàn gắn được, từ tháng 10/2017 thì chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 08/7/2013, hiện do anh P đang nuôi dưỡng, khi ly hôn, anh P yêu cầu quyền nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: có 01 chiếc xe Sirius Fi số đăng ký 008924, dung tích 113, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, số máy E3T6E045941, số khung 1710FY034091, biển số 67F1 – 223.68 đứng tên Trương Thanh P, giá trị xe là 24.000.000 đồng. Anh P yêu cầu phân chia tài sản này, anh xin nhận xe và giao cho chị T  $\frac{1}{2}$  giá trị xe là 12.000.000 đồng vào ngày 25/01/2018.

- Về nợ chung: không có.

## **2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về hôn nhân: đúng như anh P trình bày, giữa chị và anh P thông qua mai mối và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N đúng. Thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, mỗi lần anh P đi nhậu về đều xảy ra cãi vã với nhau và đến tháng 10/2017 thì P đuổi chị về về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn anh P.

- Về con chung: có 1 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 08/7/2013, hiện do anh P đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn và chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về Tài sản chung: có 01 chiếc xe Sirius Fi số đăng ký 008924, dung tích 113, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, số máy E3T6E045941, số khung 1710FY034091, biển số 67F1 – 223.68 đứng tên Trương Thanh P, giá trị xe là 24.000.000 đồng, hiện do chị đang quản lý, chị đồng ý nhận giá trị xe là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và chị giao anh P chiếc xe vào ngày 25/01/2018.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, anh P và chị T không cung cấp chứng cứ gì thêm.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên

tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa anh P và chị T không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, tại phiên tòa anh P và chị T đều thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của anh P và chị T.

- Về con chung: tên Trương Gia B, sinh năm 2013, do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, nhận thấy anh P có đủ điều kiện hơn so với chị T, anh P có thu nhập ổn định, có công việc làm tại nhà, có đủ thời gian cho việc chăm sóc, giáo dục con chung; còn chị T thì công việc làm thuê, thu nhập không ổn định, lại thường hay làm thêm giờ (tăng ca) nên không đảm bảo trong việc nuôi dạy con. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về tài sản chung: 01 chiếc xe Sirius Fi số đăng ký 008924, dung tích 113, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, số máy E3T6E045941, số khung 1710FY034091, biển số 67F1 – 223.68 đứng tên Trương Thanh P, giá 24.000.000 đồng. Tại phiên tòa giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau là vào ngày 25/01/2018 thì nguyên đơn anh P được nhận xe và hoàn lại giá trị  $\frac{1}{2}$  là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) cho bị đơn chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

- Về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng xác định được bị đơn chị T có địa chỉ cư trú và sinh sống tại thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bàng đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của anh P và chị T đều xác nhận hôn nhân không còn hạnh phúc và theo xác minh tại địa phương thì hôn nhân của anh P và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng. Tại phiên tòa anh P và chị T thuận tình ly hôn, điều này chứng minh tình nghĩa vợ chồng của anh P, chị T không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn này là có căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về quan hệ con chung: Anh P và chị T có một đứa con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 08/7/2013, hiện do anh P đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn cả anh P và chị T đều xin được quyền nuôi con.

Xét điều kiện mọi mặt cho việc trực tiếp nuôi con thì nhận thấy từ khi ly thân đến nay do anh P là người trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng, cho cháu Bảo học Mẫu giáo, qua xác minh tại địa phương và tại trường mẫu giáo Anh Vũ thấy cháu B phát triển tốt bình thường và để ổn định mọi mặt về sinh hoạt, tâm lý của cháu B, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin quyền nuôi con.

- Chị T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

- Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu, chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung: 01 chiếc xe Sirius Fi số đăng ký 008924, dung tích 113, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, số máy E3T6E045941, số khung 1710FY034091, biển số 67F1 – 223.68 đứng tên Trương Thanh P, giá trị xe là 24.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau là vào ngày 25/01/2018 thì nguyên đơn anh P được nhận xe và hoàn lại giá trị  $\frac{1}{2}$  là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) cho bị đơn chị T nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[3.5] Về nợ chung: anh P và chị T cùng thống nhất trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh Trương Thanh P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số TU/2016/0003912 ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Anh Trương Thanh P phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản chung) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số TU//2016/0003911 ngày 28/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản chung).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Điều 51, khoản 1 Điều 55; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Trương Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Thanh P và chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 8/7/2013 cho anh Trương Thanh P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trương Thanh P và chị Nguyễn Thị T.

- Anh Trương Thanh P được sở hữu 01 chiếc xe mô tô Sirius Fi số đăng ký 008924, dung tích 113, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, số máy E3T6E045941, số khung 1710FY034091, biển số 67F1 – 223.68 đứng tên Trương Thanh P. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ giao xe mô tô này cho anh Trương Thanh P vào ngày 25/01/2018.

- Anh Trương Thanh P hoàn giá trị với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị T vào ngày 25/01/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

- Trương Thanh P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số TU/2016/0003912 ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên;

- Anh Trương Thanh P chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản chung) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số TU/2016/0003911 ngày 28/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên;

- Chị Nguyễn Thị T chịu 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản chung).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- VKS.h.TB (1);
- THA h.TB (1);
- TA Tỉnh AG (1);
- Lưu hs, Vp (2).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nam Phú**